

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-ST
Ngày 03-6-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Dương Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T; địa chỉ trụ sở: Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trang Thành T; cư trú tại: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 4092/2019/GUQ-PL ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng T (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lâm Thị Mỹ N, sinh năm: 1990; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng T (sau đây gọi là Ngân hàng), bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trang Thành T trình bày:

Ngày 27/3/2018 chị Lâm Thị Mỹ N ký với Ngân hàng T Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, mục đích tiêu dùng cá nhân, loại thẻ Motor card, số thẻ 356480 - 9951, hạn mức 30.000.000 đồng, lãi suất áp dụng 2,5%. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, chị N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 71.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 05/3/2020, chị N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 56.496.000 đồng. Do chị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 06/07/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 03/6/2021, chị N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc, lãi 39.882.450 đồng, trong đó: dư nợ 29.733.609 đồng, tiền lãi quá hạn: 10.148.841 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: buộc chị Lâm Thị Mỹ N có trách nhiệm hoàn trả hết nợ gốc và lãi phát sinh tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 27/3/2018, loại thẻ Motor card, số thẻ 356480 - 9951 tính đến ngày 03/6/2021 là 39.882.450 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày chị N trả tất nợ cho Ngân hàng T.

- Tại phiên tòa sơ thẩm chị N vắng mặt, chị N không gửi văn bản phản hồi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cho Tòa án, nên không ghi nhận được ý kiến của chị N.

Đề chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ hợp pháp, nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Sổ hộ khẩu gia đình Huỳnh Văn N (bản photo), Giấy chứng minh nhân dân tên Lâm Thị Mỹ N (bản photo), Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, ngày ký 27/3/2018, tên khách hàng Lâm Thị Mỹ N (bản sao có chứng thực); Bảng tóm tắt sao kê khách hàng Lâm Thị Mỹ N ngày 29/10/2020 (bản chính); Đơn xin xác nhận ngày 29/10/2020 (bản chính).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn hợp lệ. Bị đơn không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không ý kiến phản đối với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là để tiêu dùng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Lâm Thị Mỹ N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 27/3/2018, loại thẻ Motor card, số thẻ 356480 - 9951 được ký giữa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và chị Lâm Thị Mỹ N. Tại thời điểm ký kết các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 117, 118 và 119 của Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Về yêu cầu bị đơn trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 27/3/2018, loại thẻ Motor card, số thẻ 356480 - 9951 tính đến ngày 03/6/2021 là 39.882.450 đồng, trong đó: dư nợ 29.733.609 đồng, lãi quá hạn 10.148.841 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày chị N trả dứt nợ cho Ngân hàng.

[5.1] Theo Tóm tắt sao kê tên khách hàng Lâm Thị Mỹ N, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày ký 27/3/2018, tên khách hàng Lâm Thị Mỹ N thì xác định: trong quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giải ngân và bị đơn đã nhận được số 30.000.000 đồng, lãi suất áp dụng 2,5%. Quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, chị N đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 56.496.000 đồng. Sau đó chị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, ngày 06/7/2020 Ngân hàng đã chấm dứt sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ gốc quá hạn.

[5.2] Do chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 2 và Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên việc Ngân hàng yêu cầu chị N trả hết nợ gốc và lãi nêu trên là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

1. Buộc chị Lâm Thị Mỹ N trả cho Ngân hàng T tiền vay gốc và lãi 39.882.450 (ba mươi chín triệu, tám trăm tám mươi hai ngàn, bốn trăm năm mươi) đồng, trong đó: nợ gốc 29.733.609 (hai mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi ba ngàn, sáu trăm lẻ chín) đồng, lãi quá hạn 10.148.841 (mười triệu, một trăm bốn mươi tám ngàn, tám trăm bốn mươi một) đồng.

Kể từ ngày 04/6/2021 chị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì lãi suất mà chị N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lâm Thị Mỹ N phải nộp 1.994.123 (một triệu, chín trăm chín mươi bốn ngàn, một trăm hai mươi ba) đồng; Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 810.000 (tám trăm mười ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003050 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyền kháng cáo bản án: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan